



MẠNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO
TẠO VIỆT NAM-VINAREN

VIETNAM

RESEARCH AND EDUCATION NETWORK



THÔNG TIN
KH&CN
S&T
Information



THỐNG KÊ
KH&CN
(S&T Statistics)



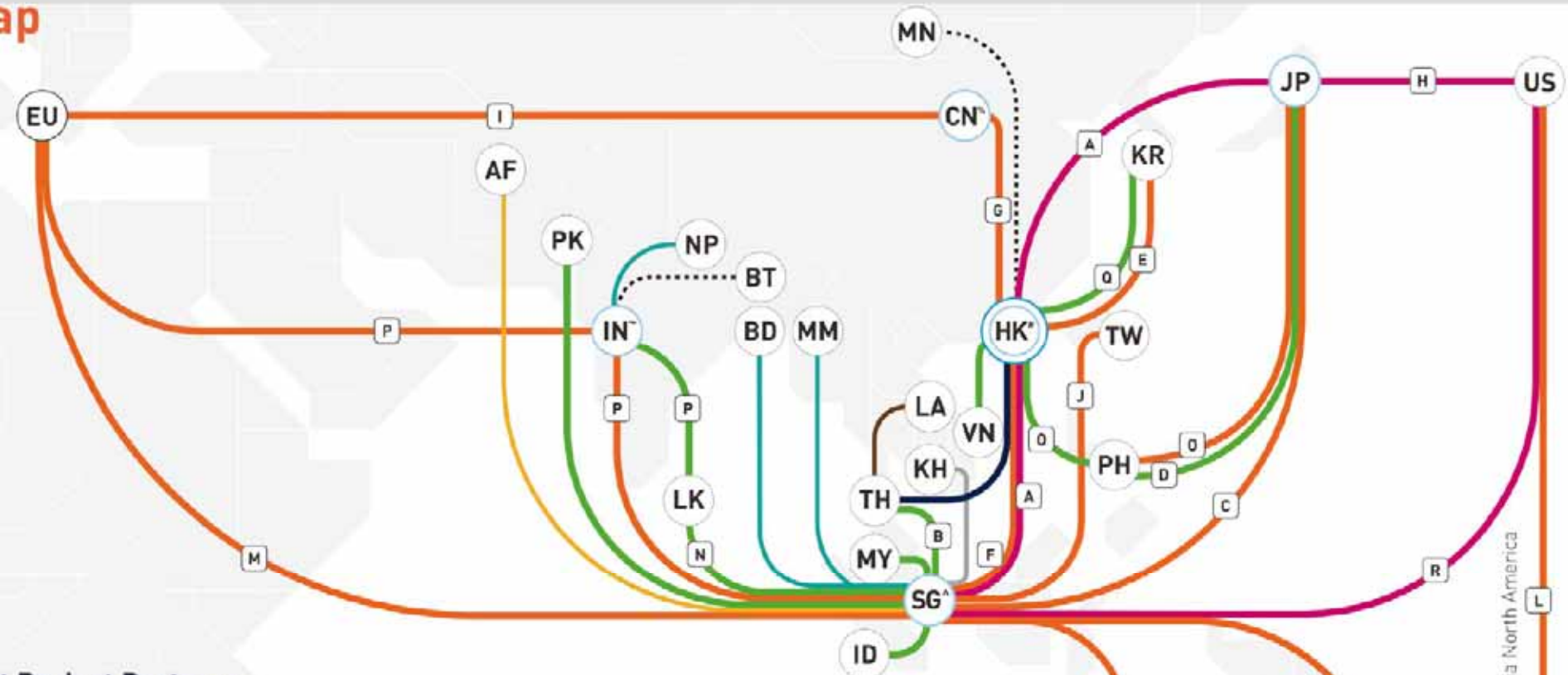
CSDL QG VỀ
KH&CN
National S&T
Database

CỤC THÔNG
TIN KH&CN QG
Nasati



VINAREN

THƯ VIỆN KH&CN
QUỐC GIA
National S&T Library



Project Partners

- Research and Education Network (AlGREN)
- Academic and Research Network (AARNET)
- Ministry of Education and Sports Commission (BoREN)
- Ministry of Information Technology and Telecom
- Ministry of Education, Youth and Sport Technology of Cambodia (CamREN)
- Ministry of Education and Research Network (CERNET) connected to TEIN CN PoP at 10 Gbps
- Ministry of Education and Research Network (HARNET) connected to TEIN HK PoP at 10 Gbps
- Ministry of Education and Research Network (HKOX) connected to TEIN IN PoP at 10 Gbps
- Ministry of Education and Research Network (KNKN) connected to TEIN IN PoP at 10 Gbps

- LA** - Laos Education and Research Network (LERNET)
 - MY** - Malaysian Research and Education Network (MYREN)
 - MN** - Mongolian Research and Education Network (ErdemNet)
 - MM** - University of Computer Studies Yangon (mmREN)
 - NP** - Nepal Research and Education Network (NREN)
 - NZ** - Research and Education Advanced Network New Zealand (REANNZ)
 - PK** - Pakistan Education and Research Network (PERN)
 - PH** - Advanced Science and Technology Institute (ASTI)
 - SG** - Singapore Advanced Research & Education Network (SingAREN)
- ^ SingAREN connected to TEIN SG PoP at 10 Gbps





Telemedicine



Earth Observation



Food Security



e-Science



e-learning



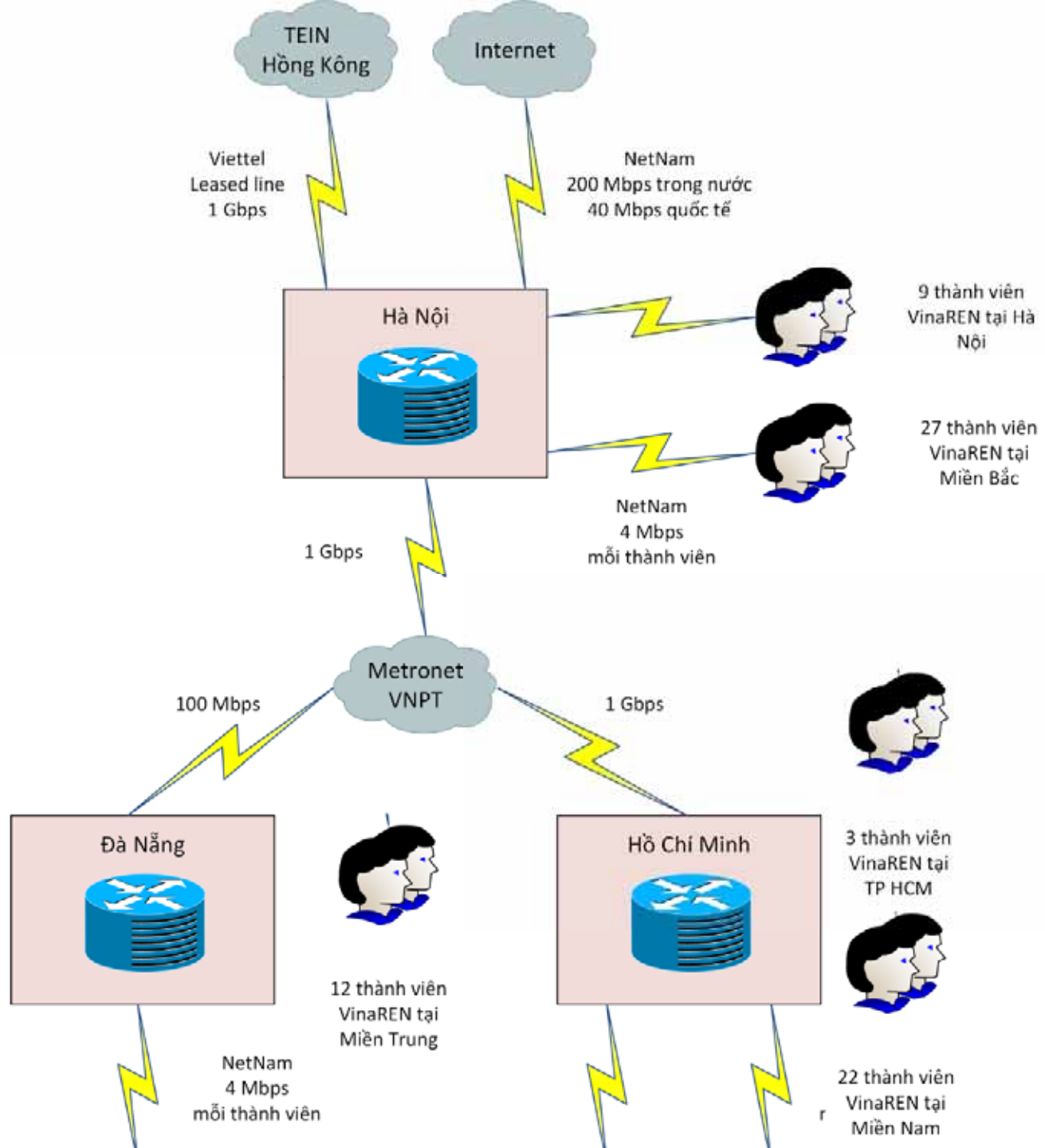
e-Culture



**Advanced
ICT Technology**



**Capacity Building
Programs**





Hội nghị truyền hình (Teleconference)

Eduroam

E-Culture

E-learning

Tính toán lưới (Grid computing)

Telemedicine

Dự báo thời tiết và cảnh báo thiên tai (weather forecast)

**Chia sẻ các nguồn tin khoa học và công nghệ
(Managing S&T information)**

Y TẾ TỪ XA (TELEMEDICINE)

- Hỗ trợ các bệnh viện (supporting hospital):
 - Hỗ trợ kỹ thuật (technical),
 - Hỗ trợ thiết bị (equipment),
 - Hỗ trợ tổ chức các sự kiện (events)
- Hỗ trợ các hoạt động y tế từ xa trong khu vực và quốc tế (support local and international telemedicine activities)
- Kết nối các bệnh viện trong nước và quốc tế, thực hiện hoạt động y tế từ xa (connect local and international hospital for telemedicine)





Dr. Akiyama (ctr.) makes a comment.



Teleconference view at Hue Central Hospital.

Picture taken at: Kyushu University Hospital

contrast CT



saccular type aortic arch aneurysm
62mm



2 debranch TEVAR
(Rt. carotid - Lt. carotid - Lt. subclavian (SCA) bypass)



Cho Ray Hospital



Univ. of Tsukuba

Hue Central Hospital



Dr. Murakami (rt.) as an organizer, makes a comment.

Picture taken at: Oita University

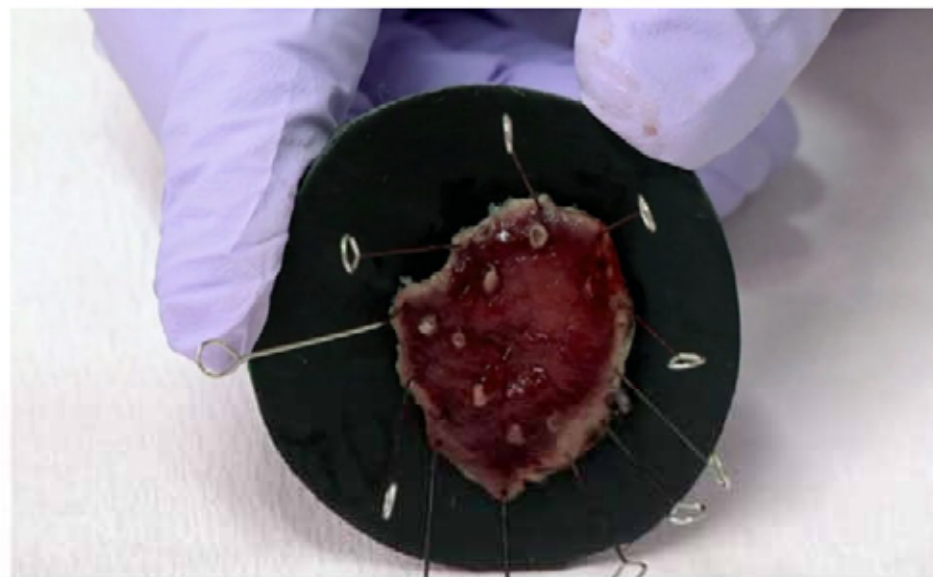


Monitor shows 6 sites. The Left is E Hospital.

Picture taken at: Oita University



Oita University Hospital



HIỆN TRẠNG (SITUATION)

- Các hoạt động y tế từ xa rất ít, bao gồm cả các hoạt động trong nước cũng như các hoạt động với nước ngoài. Các bệnh viện chưa quan tâm hoạt động này dưới mọi hình thức: tham gia sự kiện Y tế từ xa, tự tổ chức các hoạt động... (less and less activities)
- Thiếu thông tin từ các bệnh viện: thông tin về hoạt động cũng như thông tin báo cáo thống kê hàng năm (weak relationship with hospitals)
- Thiếu tổ chức: chưa có một tổ chức nào quản lý, điều phối hoạt động này ở Việt Nam (no leadership for telemedicine)

HẠN CHẾ (LIMITATION)

- Kinh phí hạn hẹp: chỉ có kinh phí duy trì đường truyền, không có các chi phí khác (hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, truyền thông...) (limit budget)
- Thiếu sự liên kết với các thành viên (liên kết từ cả hai phía đều thiếu) (weak relationship from both VinaREN and hospitals)
- Nhu cầu hoạt động này từ các bệnh viện quá ít (Demand for telemedicine is too low)

PHƯƠNG HƯỚNG (FUTURE PLAN)

VinaREN:

- Tiếp tục hỗ trợ các bệnh viện, cơ sở y tế về nhân lực, trang thiết bị, liên kết với các tổ chức, các sự kiện trong và ngoài nước (continue support hospitals)
- Tiếp tục là cầu nối giữa tổ chức nghiên cứu và đào tạo quốc tế với các tổ chức y tế trong nước (continue support relationship between local and international activities).

PHƯƠNG HƯỚNG (FUTURE PLAN)

Các bệnh viện, cơ sở y tế (Hospitals):

- Thấy được tầm quan trọng của hoạt động này. Từ đó có kế hoạch thực hiện hàng năm, có đề xuất lên Bộ Y tế (have more demand for telemedicine, plan for telemedicine activities)
- Liên kết tốt hơn với Mạng nghiên cứu và đào tạo VinaREN (have better connection with VinaREN)
- Tăng cường chỉ đạo từ phía bộ y tế (leadership from Ministry of Health)

CẢM ƠN CÁC QUÝ ĐẠI BIỂU ĐÃ LẮNG NGHE
THANK YOU FOR YOUR LISTENING





QUESTION

ANSWER